,

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
Huyện K - tỉnh Ninh Bình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:22/2021/HNGĐ-ST
Ngày 11/6/2021
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Ông Nguyễn Hữu Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và bà Trần Thị lệ Dung

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Thành, Thư ký Toà án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2021/TLST-HNGĐ ngày 30/3/2021 về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐST - HNGĐ ngày 05/5/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1983; ĐKHK và chỗ ở: Xóm 5, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: Anh Ngô Văn N, sinh năm 1982; ĐKHKTT: Xóm 10, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. tạm trú: Xóm 7, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Chị T có mặt; anh N vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 30/3/2021 được bổ sung tại bản tự khai cùng ngày nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày: Chị và anh Ngô Văn N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình ngày 10/12/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm 10, xã Y trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng với nhau về lối sống và quan điểm làm ăn do đó vợ chồng xảy ra sô sát, cãi vã, mặc dù vợ chồng đã cố gắng khắc phục và gia đình cũng đã động viên nhưng không được cải thiện mà ngày một căng thẳng hơn và vợ chồng đã ly thân nhau từ đầu năm 2009 đến nay mỗi người mỗi nơi. Nay chị xác định

tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N để ổn định cuộc sống.

Về con: Chị xác định giữa chị và anh N có hai người con chung là Ngô Thị Yến V, sinh ngày 11/3/2006 và Ngô Quốc L, sinh ngày 22/5/2008 hiện cả hai con đều đang ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án anh Ngô Văn N tại bản tự khai ngày 05/4/2021 xác định về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn đúng như ý kiến của chị T trình bày. Về mâu thuẫn của vợ chồng anh xác định trong thời gian chung sống vợ chồng xảy mâu thuẫn với nhau và đó ly thân nhau 10 năm nay mỗi người mỗi nơi. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh không nhất trí với lý do không muốn các con phải chia rẽ. Trường hợp chị T muốn ly hôn thì tất cả do chị T chịu trách nhiệm hoàn toàn, anh sẽ nhất trí ly hôn.

Về con: Anh xác định vợ chồng có hai người con chung là Ngô Thị Yến V, sinh ngày 11/3/2006 và Ngô Quốc L, sinh ngày 22/5/2008 hiện cả hai con đều đang ở với chị T anh nhất trí để chị T nuôi cả hai con chung theo nguyện vọng và anh không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị T.

Về tài sản: Anh N xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K qua bài phát biểu tại phiên tòa thể hiện Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành theo quy định của pháp luật, còn bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật, đồng thời đề xuất việc giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, đề xuất xử ly hôn giữa chị Lê Thị T với anh Ngô Văn N. Giao hai con chung của vợ chồng cho chị T nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Ngô Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L ngày 10/12/2004. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng với nhau về lối sống và quan điểm làm ăn do đó vợ chồng xảy ra sô sát, cãi vã lẫn nhau; vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2009 đến nay không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị T xác định tình cảm vợ

chồng không còn nên xin được ly hôn với anh N để ổn định cuộc sống. Về phía anh Nam mặc dù thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được và đó sống ly thân hơn 10 năm nay, nhưng anh không đồng ý ly hôn với lý do không muốn các con phải thiệt thòi, nhưng nếu chị T quyết tâm xin ly hôn thì anh cũng nhất trí và chị T phải chịu trách nhiệm về việc ly hôn của vợ chồng. Quá trình giải quyết Tòa án đã kiên trì hòa giải giữa các bên nhằm tháo gỡ những mâu thuẫn nhưng đến lần hòa giải thứ hai anh N đó nửa chừng tự ý bỏ về, từ chối hòa giải, có ý bỏ mặc, không quan tâm, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị T và anh N tại UBND xã L là nơi chị T ĐKHKTT và nơi anh N tạm trú, chính quyền địa phương xác nhận vợ chồng chị T, anh N xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau từ năm 2009 đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống chung nữa.

Từ những căn cứ đó Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống chung của vợ chồng giữa chị T và anh N đã có thời gian dài sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau; mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh N là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2] Về con: Vợ chồng có hai người con là Ngô Thị Yến V, sinh ngày 11/3/2006 và Ngô Quốc L, sinh ngày 22/5/2008, từ khi vợ chồng ly thân thì cả hai con đều ở với chị T tại xóm 5, xã L và qua ý kiến trình bày các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Nay chị T đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị, anh N cũng nhất trí để chị T nuôi cả hai con và không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị T. HĐXX xét thấy từ nhiều năm nay cả hai con người con chung của vợ chồng đều đang ở cùng với chị T và do chị T nuôi dưỡng, các cháu muốn được ở cùng với mẹ để có cuộc sống ổn định, vì vậy cần chấp nhận đề nghị của chị T, giao chị T nuôi dưỡng cả hai con chung của vợ chồng và không buộc anh N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con như sự tự nguyện của chị T là phù hợp.

[3] Chị T và anh N xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết vì vậy, HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ Điều 144, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án:

1. Xử ly hôn giữa chị Lê Thị T với anh Ngô Văn N.

2. Giao chị T nuôi dưỡng hai người con chung của vợ chồng là Ngô Thị Yến V, sinh ngày 11/3/2006 và Ngô Quốc L, sinh ngày 22/5/2008, anh Nam không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị Tuyến; không bên nào được cản trở quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

3/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2563 ngày 30/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Tuyến có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nam có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Mạnh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
--VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.